

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT PHẠM VĂN SÁNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 298/BC-THPT.PVS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2023 - 2024

(thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Trung học phổ thông Phạm Văn Sáng.

2. Địa chỉ: 26/1C Ấp 3, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.62595741

Email: c3phamvansang.tphcm@moet.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: thptphamvansang.hcm.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: trường công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

4.1. Sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập và rèn luyện thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn và đội ngũ đoàn kết, tâm huyết, trách nhiệm, có năng lực. Đào tạo thế hệ học sinh có trình độ, có năng lực tư duy sáng tạo, năng động, có khả năng thích ứng trong cuộc sống

4.2. Tầm nhìn: Phát triển nhà trường theo hướng tiên tiến, hiện đại; là ngôi trường được học sinh lựa chọn để học tập phát huy phẩm chất và năng lực; cán bộ, giáo viên, nhân viên tự hào, gắn bó và cống hiến.

4.3. Mục tiêu: Xây dựng trường theo hướng tiên tiến, hiện đại, có chất lượng cao. Đào tạo thế hệ học sinh có năng lực và phẩm chất tốt, làm người công dân có

ích cho xã hội, có đầy đủ năng lực để thích ứng với đô thị thông minh và quá trình hội nhập quốc tế.

5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:

Trường Trung học phổ thông Phạm Văn Sáng được thành lập năm 2012. Tập thể CB – GV - NV trường luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ từng năm học. Nhà trường triển khai cho tất cả CB – GV - NV ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học; đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực người học; tăng cường đổi mới kiểm tra đánh giá theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quan tâm giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động Đoàn thanh niên.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Lê Thị Thanh Thủy – chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 26/1C Ấp 3, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.62595741

Email: thuy81.2020@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- Trường Trung học phổ thông Phạm Văn Sáng được thành lập theo Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2012 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập trường THPT Phạm Văn Sáng trực thuộc Sở Giáo dục & Đào tạo Tp.HCM.

- Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 3521/QĐ-GDDT-TC ngày 30/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo gồm các thành viên sau đây

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong hội đồng trường
1	Lê Thị Thanh Thủy	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Thanh Tú	Chủ tịch UBND xã Xuân Thới Sơn	Thành viên

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong hội đồng trường
3	Nguyễn Đức Sơn	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4	Trương Ngọc Châu	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
5	Nguyễn Trần Phương Trúc	Giáo viên	Thành viên
6	Lê Thảo Vi	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
7	Nguyễn Thị Ba	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
8	Nguyễn Quốc Thuận	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
9	Nguyễn Thị Trúc Phương	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
10	Lê Thanh Long	Tổ trưởng chuyên môn	
11	Phan Tấn Trọng	Bí thư Chi đoàn giáo viên	
12	Thái Giãn Hiền	Trợ lý thanh niên	
13	Trần Thị Hải Yến	Tổ trưởng chuyên môn	
14	Nguyễn Thanh Phong	Giáo viên	
15	Nguyễn Văn Hưng	Tổ trưởng văn phòng	

- Hiệu trưởng được công nhận theo Quyết định số 833/QĐ-SGDĐT ngày 14/4/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo của Sở Giáo dục và Đào tạo; Các Phó Hiệu trưởng được công nhận theo Quyết định số 318/QĐ-SGDĐT ngày 15/02/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 2183/QĐ-SGDĐT ngày 24/7/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT Phạm Văn Sáng được công nhận theo Quyết định số 167-38/QĐ-GDĐT-TC ngày 18/02/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tin tập thể lãnh đạo đơn vị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Email – Điện thoại
1	Lê Thị Thanh Thủy	Hiệu trưởng	<u>thuyle81.2020@gmail.com</u> ĐT: 0907997125
2	Nguyễn Đức Sơn	Phó Hiệu trưởng	<u>nguyenducson281@gmail.com</u>

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Email – Điện thoại
			ĐT: 0918507831
3	Nguyễn Bửu Quốc	Phó Hiệu trưởng	buuquoc2012@gmail.com ĐT: 0909226521

8. Các văn bản khác của nhà trường gồm kế hoạch chiến lược; quy chế dân chủ; Nghị quyết Hội đồng trường; quy định quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; các kế hoạch triển khai thực hiện công tác giáo dục đều được công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ: thptphamvansang.hcm.edu.vn.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

S T T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng 3	Hạng 2	Hạng 1	XS	Kh á	TB	Ké m
I	Giáo viên	87											87		
1	Toán	15		5	10				15				15		
2	Ngữ văn	11		1	10				11				11		
3	Tiếng anh	11			11				11				11		
4	Vật lý	7		1	6				7				7		
5	Hóa học	7		4	3				6	1			7		
6	Sinh học	6		2	4				5	1			6		
7	Lịch sử	5		1	4				5				5		
8	Địa lý	3			3				3				3		
9	GDCD	4			4				4				4		
10	Tin học	6		1	5				4	1			6		

[illegible]

S T T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng 3	Hạng 2	Hạng 1	XS	Kh á	TB	Ké m
6	Nhân viên thiết bị	1			1										
7	Nhân viên quản trị viên hệ thống	1			1										
9	Nhân viên bảo vệ	3						3							
10	Nhân viên phục vụ	6						6							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	45	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	45	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
5	Số phòng học bộ môn	10 (6 phòng vi tính, 01 THPT Lý, 1 Hóa, 1 Sinh, 1 CN)	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	47(45 phòng học, 2 BTT)	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/phòng	
8	Bình quân học sinh/lớp	44.1 HS/lớp	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	16.636 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3055 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	63.4 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	630 m ²	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	0	
3	Diện tích thư viện (m ²)	126 m ²	
4	Diện tích phòng giáo dục rèn luyện thể chất (m ²) (Nhà đa năng)	742 m ²	
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	210	Số bộ/lớp

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Khối lớp 10	70	
2	Khối lớp 11	70	
3	Khối lớp 12	70	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	347 (45 phòng học, 6 phòng vi tính, 2 BTT)	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	52 (45 phòng học, 01 TNTH Sinh, 6 phòng vi tính)	
2	Cát xét	15	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu projector	02	
6	Hệ thống âm thanh lớp	45	
7	Hệ thống âm thanh sân trường	02	
X	Nhà bếp	16 m ²	
XI	Nhà ăn	16 m ²	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
XIII	Nhà vệ sinh	10 cái	Dùng cho giáo viên
		40 cái	Dùng cho học sinh
XIV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có nguồn nước máy của nhà máy.	
XV	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Lưới điện Hóc Môn	
XVI	Kết nối internet (ADSL)	Đường truyền cáp quang	
XVII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	thptphamvansang.hcm.edu.vn	
XVIII	Tường rào xây	Có tường rào bao quanh khuôn viên trường	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đã qua 01 lần đánh giá ngoài năm 2020:

Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 662-26/QĐ-GDĐT-KTKĐCLGD ngày 24/4/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Trường chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả đánh giá ngoài được công khai tại địa chỉ:

<https://thptphamvansang.hcm.edu.vn/nh-2020-2021/kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/ct/88485/430711>

- Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng để khắc phục các hạn chế chưa đạt theo yêu cầu ở cấp độ cao hơn.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1986	699	644	643
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1781 89.68%	620 88.7%	572 88.82%	589 91.6%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	165 8.31%	56 8.01%	59 8.31%	50 7.78%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	19 0.96%	11 1.57%	4 0.62%	4 0.62%
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	21 1.06%	12 1.72%	9 1.4%	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1986	699	644	643
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	429 21.6%	115 16.45%	140 21.74 %	174 27.06%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1033 52.01%	368 52.65%	320 49.69%	345 53.65%
3	Trung bình/ Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	509 25.63%	209 29.9%	176 27.33%	124 19.28%
4	Yếu/ Chưa đạt	15 0.76%	7 1%	8 1.24%	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	(tỷ lệ so với tổng số)				
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1986	699	644	643
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1826 99.13%	696 99.57%	641 99.53%	643 (đủ ĐK dự thi THPT QG) 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	201 10.12%	13 1.86%	17 2.64	171 26.59
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	572 28.8%	101 14.45%	123 19.1%	348 54.12%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	13 0.96%	6 0.85%	7 1.08%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	6 0.44%	3 0.42%	3 0.46%	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	12/29	0/5	12/18	0/6
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	2 0.10%	1 0.14%	0	1 0.15%



STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	(tỷ lệ so với tổng số)				
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	28	0	0	28
1	Cấp tỉnh/thành phố	15	0	9	6
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	642	0	0	642
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	642	0	0	642
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	Đang thống kê			
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1986/1083	699/373	644/353	643/357
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	32	8	10	14

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp tính đến tháng 7/2024

Stt	Nguồn kinh phí	Số tiền được cấp	Số dư đến T7
1	Nguồn kinh phí thường xuyên	13.255.500.000	7.451.572.395
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương	2.169.000.000	947.141.077

Stt	Nguồn kinh phí	Số tiền được cấp	Số dư đến T7
	(Trích từ nguồn kinh phí thường xuyên)		
3	Nguồn kinh phí không thường xuyên	4.560.665.000	1.498.981.524
4	Nguồn cải cách tiền lương do ngân sách đảm bảo (Thực hiện chi CNTT theo Nghị quyết 08/2023)	9.706.280.000	8.619.242.989

2. Nguồn thu sự nghiệp tại trường năm học 2023-2024

Stt	Nội dung thu	Thời gian thực hiện	Mức thu
I	Tiền học phí buổi 1	09 tháng	100.000/ tháng
II	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa		
1	Tiền tổ chức 02 buổi/ ngày	Thu theo thực tế	280.000 đ/tháng
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	Thu theo thực tế	160.000 đ/tháng
III	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án		
1	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 – 2030”	Thu theo thực tế	85.000 đ/ tháng

Stt	Nội dung thu	Thời gian thực hiện	Mức thu
IV	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh		
1	Tiền nước uống	Thu theo thực tế	15.000 đ/ tháng
2	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cả năm học 2023 – 2024	Thu theo thực tế	150.000 đ/ năm
3	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	Thu theo thực tế	230.000 đ/ tháng
4	Tiền suất ăn trưa bán trú	Thu theo thực tế	30.000 đ/ 1 suất
5	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú năm học	Thu theo thực tế	200.000 đ/ năm
6	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	Thu theo thực tế	28.000 đ/ năm
7	Tiền tổ chức dạy học anh văn bản ngữ	Thu theo thực tế	160.000đ/ tháng
8	Tiền học bơi	10 tuần	245.000đ/10 tuần
9	Học phẩm	1 năm học	50.000đ/1 năm

3. Nguồn tài trợ giáo dục năm học 2023-2024

3.1. Số tiền cha mẹ học sinh đã tài trợ từ ngày 05/9/2023 đến 31/5/2024

Khối lớp	Số tiền tài trợ
Khối 10	314.670.000

Khối 11	288.750.000
Khối 12	287.580.000
Toàn trường	891.000.000
Tiền tồn năm học 2022 – 2023	299.937.467
Tổng tiền	1.190.937.467 đồng

Ghi chú: Danh sách và sổ tiền cha mẹ học sinh tài trợ sẽ thông tin tại lớp khi họp CMHS và dán công khai ở bảng thông báo của trường để CMHS kiểm tra.

3.2. Số tiền đã sử dụng từ ngày 01/8/2023 đến 15/08/2024: 1.089.204.624 đồng.

STT	Nội dung chi	Số tiền
1	Bảo trì, sửa chữa, thay linh kiện máy vi tính, âm thanh, ti vi ở 45 phòng học, 2 phòng băng tương tác và 6 phòng máy vi tính.	395.798.140
2	Hỗ trợ hoạt động học tập của học sinh (tập, cặp, xe đạp ...).	207.283.551
3	Hỗ trợ hoạt động tổ chức chuyên đề ngoại khóa, kỹ năng, trải nghiệm, trại xuân, trại truyền thống, hoạt động văn thể mỹ, an toàn giao thông ... tại trường, huyện, cụm, Thành phố.	486.122.933

3.3. Số tiền còn tồn: 100.636.843 đồng (hồ sơ chi tiết đính kèm lưu trữ tại phòng tài vụ trường THPT Phạm Văn Sáng).

4. Chính sách về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4.1. Học bổng – quà tết cho học sinh vượt khó, đạt thành tích cao trong học tập

Học bổng mỗi suất 1.000.000 triệu đồng		Quà tết mỗi suất 1.000.000 triệu đồng
Học kỳ I	Học kỳ II	
112 Học sinh	75 Học sinh	29 học sinh
85 112 suất trị giá 112.000.000 + 75 suất trị giá : 37.500.000		29 suất trị giá 29.485.200
Tổng số tiền: 178.985.200 đồng		

4.2. Học sinh miễn giảm thuộc các diện

Nội dung	Hộ nghèo	Hòa nhập	Khó khăn	Con GV
Số học sinh	22 HS	18 HS	14 HS	5 HS
Diện miễn - giảm	Toàn phần (4 dân tộc Khome, 1 con thương binh, 16 hộ nghèo, 1 cận nghèo	100% HP công lập	Từ 50% đến 100% xét theo đơn và tình hình thực tế.	Miễn 100% HP buổi 2, nước uống
Số tiền	74.375.000	70.340.000	32.625.000	15.896.000
Tổng số tiền	193.236.000			

Nơi nhận:

- Toàn thể viên chức đơn vị;
- Toàn thể Cha mẹ học sinh;
- Công khai trên trang web trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thanh Thủy